TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA HÀNH** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025 /HNGĐ- ST
Ngày: 20-6-2025
Về việc "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Đỗ Thị Thu Nha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Thanh Thuý
2. Bà Kiều Việt Phương

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Ngọc Anh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST – HNGĐ, ngày 02/6/2025 của Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, giữa các đương sự*:*

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Kim M, sinh năm 1983
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi
- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1980
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên toà, nguyên đơn chị Trịnh Thị Kim M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N vào ngày 05 tháng 5 năm 2006. Trong quá trình chung sống, chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cải vã nhau do tính cách trái ngược, bất đồng quan điểm sống, anh T không đồng ý với công việc làm của chị nên luôn nghi ngờ, ghen tuông. Mâu thuẫn giữa chị và anh T xảy ra đến nay khoảng 15 năm, phần ai nấy sống, không quan tâm đến nhau, nhưng thời gian trước do con còn nhỏ nên chị chịu đựng chung sống, đến nay anh T vẫn chứng nào tật ấy không thay đổi. Vào khoảng tháng 3/2025, sau

khi chị và anh T cải vã nhau, nên chị đã về nhà cha mẹ đẻ của chị sinh sống cho đến nay. Chị không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/02/2006, hiện nay con đã trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động, nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:

Việc anh kết hôn và có con với chị Trịnh Thị Kim M đúng như chị M trình bày. Trong quá trình chung sống anh và chị M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống, tính cách trái ngược nhau. Chị M đi làm nghề phụ bán quán cà phê, anh không đồng ý thì chị M bỏ nhà ra đi từ tháng 3/2025 cho đến nay anh không biết đi đâu, phần ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Anh thừa nhận vợ chồng anh thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, nhưng anh không hiểu lý do vì sao trước đây chị M đều bỏ qua để cùng chung sống, nhưng đến nay lại yêu cầu ly hôn. Trước đây, anh không đồng ý ly hôn vì muốn vợ chồng hàn gắn, nhưng chị M cương quyết ly hôn nên tại phiên toà, anh đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh và chị M có 01 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/02/2006, hiện nay con đã trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động, nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị M tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Kim M. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị Kim M và anh Nguyễn Minh T; về con chung: Cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/02/2006 đã trên 18 tuổi, có đủ năng lực hành vi dân sự, nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung: tự thoả thuận nên không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết; về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trịnh Thị Kim M khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Minh T, anh T có nơi cư trú tại huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện

[2.1] Chị Trịnh Thị Kim M và anh Nguyễn Minh T có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 05/5/2006, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Trịnh Thị Kim M có yêu cầu ly hôn nên Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Qua lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị M và anh T đều thừa nhận trong quá trình chung sống giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do không tin tưởng nhau, tính cách không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống; kể từ tháng 03 năm 2025 cho đến nay chị M và anh T đã sống ly thân nhau, phần ai nấy sống, không quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không đồng ý ly hôn với chị M vì mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, nhưng tại phiên toà, anh T đồng ý ly hôn với chị M. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị M yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M và anh T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị M và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/02/2006, hiện nay cháu H đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; chị M, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị Kim M và anh Nguyễn Minh T đều trình bày về tài sản chung tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Trịnh Thị Kim M và anh Nguyễn Minh T đều trình bày về nợ chung không có, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Kim M, anh Nguyễn Minh T mỗi người phải chịu số tiền 150.000đồng theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án

nhân dân tối cao. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Minh C toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300. 000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành theo theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004182 ngày 17/4/2025.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành tại phiên toà đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị Kim M.

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị Kim M và anh Nguyễn Minh T.

2. Về nuôi con: Chị M và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 24/02/2006, hiện nay cháu H đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; chị M, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị Kim M và anh Nguyễn Minh T đều trình bày về tài sản chung tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Trịnh Thị Kim M và anh Nguyễn Minh T đều trình bày về nợ chung không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Kim M tự nguyện chịu số tiền 300.000 đồng án phí Hôn nhân – Gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300. 000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành theo theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004182 ngày 17/4/2025.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Nghĩa Hành;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hành;
- UBND xã Hành Phước;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Đỗ Thị Thu Nha